

Thứ năm, ngày 7 tháng 12 năm 2023

Vietnam Daily Review

VN-Index điều chỉnh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 8/12/2023		•	
Tuần 20/11-24/11/2023		•	
Tháng 12/2023		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường một lần nữa tiếp cận ngưỡng kháng cự 1,125 ngay khi vừa mở cửa nhưng vẫn không thể vượt qua. Kết phiên, VN-Index đóng cửa tại mốc 1,121.49 điểm, giảm gần 5 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 15/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Dầu khí và Dịch vụ tài chính dẫn đầu đà giảm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng trên sàn HNX. Lực cầu bắt đáy xuất hiện khá tích cực tại ngưỡng 1,100. Trong những phiên giao dịch tới, chỉ số có thể sẽ tiếp tục củng cố thêm trên ngưỡng SMA200.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 7/12/2023, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-4.94** điểm, đóng cửa **1121.49** điểm. HNX-Index **-1.79** điểm, đóng cửa **231.84** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **BID (+0.77)**, **MSN (+0.51)**, **VPB (+0.5)**, **TCB (+0.4)**, **CTG (+0.3)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GAS (-1.06)**, **VCB (-0.96)**, **VHM (-0.8)**, **GVR (-0.58)**, **NVL (-0.37)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **26375** tỷ đồng, tăng **70.05%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức **27447** tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 20.32 điểm. Thị trường có **205** mã tăng, 95 mã tham chiếu, **289** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-813.75** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VHM (-210.91 tỷ)**, **MSN (-102.44 tỷ)**, **STB (-94.24 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **12.54** tỷ đồng.

Diễn biến BSC30, BSC50:

- BSC30 **-0.94%**. Các mã diễn biến tích cực: **MSN (+2.25%)**, **STB (+1.60%)**, **BID (+1.50%)**
- BSC50 **-1.23%**. Các mã diễn biến tích cực: **CTR (+2.03%)**, **BAF (+1.93%)**, **LPB (+1.59%)**

Diễn biến các nhóm ngành và chỉ số

Truyền thông	0.64%	Bất động sản	-1.22%
Ngân hàng	0.50%	Xây dựng và Vật liệu	-1.32%
Thực phẩm và đồ uống	0.26%	Hàng cá nhân & Gia	-1.32%
Tài nguyên Cơ bản	-0.17%	Điện, nước & xăng	-1.53%
Ô tô và phụ tùng	-0.27%	Hóa chất	-1.85%
Du lịch và Giải trí	-0.28%	Dịch vụ tài chính	-2.11%
Y tế	-0.38%	Dầu khí	-2.31%
Bán lẻ	-0.43%	VN30	0.19%
Bảo hiểm	-0.45%	VNSML	-0.31%
Công nghệ Thông tin	-0.74%	VNMID	-1.12%
Hàng & Dịch vụ Công	-1.20%		

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang

trangnt1@bsc.com.vn

VN-INDEX **1121.49**
Giá trị: 26375 tỷ **-4.94 (-0.44%)**
Khối ngoại (ròng): -813.75 tỷ

HNX-INDEX **231.84**
Giá trị: 3682.53 tỷ **-1.79 (-0.77%)**
Khối ngoại (ròng): 12.54 tỷ

UPCOM-INDEX **85.71**
Giá trị: 666.14 tỷ **-0.7 (-0.61%)**
Khối ngoại (ròng): -4.98 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	74.3	-3.80%
Giá vàng	2,027	0.40%
Tỷ giá USD/VND	24,284	0.02%
Tỷ giá EUR/VND	26,171	0.12%
Tỷ giá JPY/VND	167.07	1.26%
LS liên NH 1 tháng	0.99%	
LS TPCP 5 năm	1.80%	

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VCB	46.93	VHM	-210.91
VHC	45.63	MSN	-102.44
OCB	28.83	STB	-94.24
SSI	27.68	FUEVFVND	-63.29
DGC	26.51	BCM	-54.57

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng ngày 05/12/2023

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	69.38	-4.10%	-10.93%	-10.18%	-4.37%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	74.30	-3.80%	-10.39%	-8.66%	-4.28%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.03	-3.57%	-9.45%	-5.47%	-2.57%	HVN, VJC	PLX, OIL
Natural gas	USD/MMBtu	2.56	-5.54%	-8.71%	-26.08%	-54.43%		
TTF Gas	EUR/MWh	39.31	3.09%	-2.59%	-14.64%	-73.66%		
Vàng	Ounce	2,027.48	0.40%	-0.89%	2.94%	13.44%		PNJ
Bạc	Ounce	23.94	-0.77%	-4.28%	5.94%	5.34%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1,296.25	-0.71%	-3.77%	-3.89%	-12.25%	DBC, QNS	HKB
Sữa	Cwt	16.33	0.06%	1.37%	-4.28%	-19.91%	KDC	VNM, QNS
Cao su	JPY/kg	141.60	0.43%	-1.67%	-3.15%	3.58%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	LB	23.00	-7.85%	-14.37%	-16.64%	18.07%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS, QNS,
Ure	USD/T	350.00	0.00%	-9.56%	-13.58%	-36.94%		DPM, DCM
Niken	LB	15,940.00	-3.54%	-3.62%	-12.42%	-45.30%		PC1
Đồng	LB	3.71	-1.53%	-1.88%	0.97%	-3.73%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Xút	CNY/T	2,760.00	1.47%	13.11%	28.97%	4.55%		CSV
Thép	CNY/ton	3,883.00	0.23%	-0.54%	1.44%	2.40%		HPG
Nhôm	Ton	2,146.00	-0.65%	-3.07%	-5.25%	-13.66%	CAV, SAM, TGP, VTH	

Thông tin nổi bật

- Giá dầu
- Chốt phiên giao dịch ngày 6/12, dầu thô Brent giảm 2.9 USD tương đương 3.8% xuống 74.3 USD/thùng và dầu thô Tây Texas WTI giảm 2.94 USD tương đương 4.1% xuống 69.38 USD/thùng.
 - Giá dầu giảm gần 4% xuống mức thấp nhất kể từ tháng 6/2023, do lo ngại về nhu cầu nhiên liệu toàn cầu, sau số liệu của Mỹ cho thấy rằng tồn trữ xăng cao hơn so với dự kiến.

- Giá vàng
- Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0.4% lên 2,027.48 USD/ounce và vàng kỳ hạn tháng 2/2024 trên sàn New York tăng 0.6% lên 2,047.9 USD/ounce.
 - Giá vàng tăng, sau khi giảm từ mức cao kỷ lục vào đầu tuần này, do lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ giảm, trong khi các nhà đầu tư chờ đợi báo cáo việc làm của Mỹ để có thêm manh mối về việc cắt giảm lãi suất.

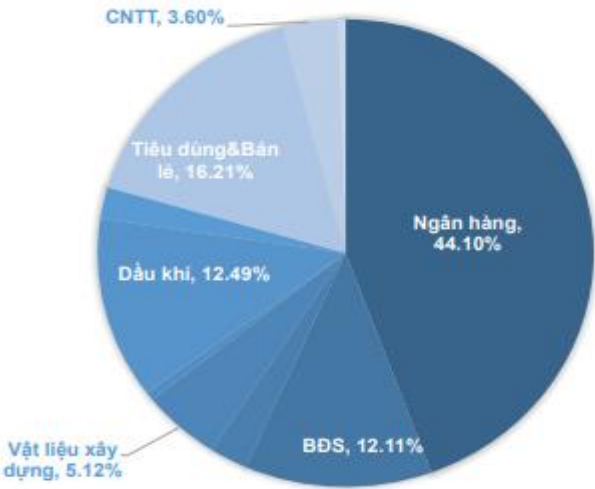
- Quặng sắt
- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2024 trên sàn Đại Liên tăng 1.9% lên 980 CNY (136.92 USD)/tấn. Đồng thời, giá quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2024 trên sàn Singapore tăng 2% lên 129.05 USD/tấn.
 - Giá quặng sắt trên sàn Đại Liên tăng, được thúc đẩy bởi số liệu kinh tế tích cực, nhu cầu tăng mạnh và mối lo ngại về sự giám sát thị trường của Trung Quốc nhằm ổn định giá bắt đầu suy giảm.

- Giá hàng hóa khác
- Giá đường thô trên sàn ICE giảm xuống mức thấp nhất 5 tháng, do các nhà đầu tư đẩy mạnh bán ra, trong bối cảnh triển vọng sản lượng mía đường tại Brazil được cải thiện và Ấn Độ đang chuyển sang tăng sản lượng đường.
 - Giá lúa mì trên sàn Chicago tăng lên mức cao nhất 4 tháng, sau 3 ngày liên tiếp doanh số bán lúa mì của Mỹ sang Trung Quốc đạt mức cao – làn sóng mua hàng lớn nhất của Trung Quốc trong gần 1 thập kỷ.
 - Giá khí tự nhiên tại Mỹ giảm 5% xuống mức thấp nhất 3 tháng, chịu áp lực giảm bởi giá dầu giảm, sản lượng khí đốt tại Mỹ đạt gần mức cao kỷ lục và dự báo thời tiết ôn hòa đến cuối tháng 12/2023, sẽ khiến nhu cầu sưởi ấm giảm.

Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo báo
VCB	Ngân hàng	85.2	-0.8%	0.7	19,624	3.5	5,797	14.7	105,000	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	40.6	1.5%	1.0	9,538	3.3	4,025	10.1	54,578	17.1%	Link
VPB	Ngân hàng	19.6	1.3%	1.0	6,425	13.9	1,727	11.4	23,685	16.6%	Link
TCB	Ngân hàng	30.8	1.5%	1.2	4,478	7.4	5,059	6.1	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	18.2	0.8%	1.2	3,921	10.5	3,496	5.2	24,400	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	28.6	1.6%	0.9	2,218	34.4	3,600	7.9	31,200	24.4%	Link
GVR	BĐS KCN	20.2	-2.9%	1.8	3,330	2.8	714	28.3	19,100	0.5%	Link
KBC	BĐS KCN	32.2	-2.6%	1.5	1,019	16.9	4,368	7.4	42,500	20.3%	Link
IDC	BĐS KCN	49.9	-2.3%	1.4	679	9.1	3,969	12.6	45,900	11.1%	Link
VGC	BĐS KCN	54.7	-3.4%	1.7	1,011	4.8	2,651	20.6	-	4.8%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	27.6	0.0%	1.4	6,614	56.2	(328)	-84.1	23,300	26.4%	Link
VHM	Bất động sản	39.7	-1.9%	1.3	7,124	18.6	10,341	3.8	79,900	24.2%	Link
VRE	BĐS	22.8	-0.4%	1.3	2,135	4.7	1,588	14.4	38,900	32.1%	Link
KDH	BĐS	31.7	-1.1%	1.2	1,044	2.7	1,280	24.8	44,100	38.9%	Link
NLG	BĐS	37.2	-2.7%	1.2	589	4.5	1,582	23.5	46,100	41.4%	Link
DGC	Hóa chất	97.2	-0.8%	1.3	1,521	16.0	10,728	9.1	85,000	13.5%	Link
DPM	Phân bón	33.6	-1.2%	0.9	542	3.4	6,403	5.2	41,000	15.4%	Link
DCM	Phân bón	32.6	-2.3%	1.4	710	5.9	4,286	7.6	36,000	11.4%	Link
GAS	Dầu khí	77.9	-2.4%	0.7	7,373	2.8	5,567	14.0	110,500	2.9%	Link
PLX	Dầu khí	35.2	-2.1%	1.0	1,840	1.4	2,125	16.5	45,000	17.3%	Link
PVS	Dầu khí	38.8	-3.5%	1.1	764	15.5	1,953	19.9	38,500	20.3%	Link
PVD	Dầu khí	28.2	-2.9%	1.0	647	8.9	449	62.9	29,000	21.3%	Link
POW	Tiện ích	11.5	-0.4%	0.9	1,110	2.4	602	19.1	14,500	6.2%	Link
VNM	F&B	68.4	-0.1%	0.8	5,891	10.9	3,935	17.4	81,700	54.4%	Link
MSN	F&B	63.5	2.3%	1.5	3,744	10.4	916	69.3	27,700	30.5%	Link
MWG	Bán lẻ	40.8	-0.2%	1.4	2,462	17.8	1,069	38.2	63,800	49.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	78.5	-2.0%	0.7	1,061	2.5	5,503	14.3	83,500	49.0%	Link
VHC	Thủy sản	75.8	-0.1%	0.6	584	4.7	7,080	10.7	90,900	32.1%	Link
GMD	Logistics	70.4	-0.1%	0.9	888	2.8	7,470	9.4	57,000	47.0%	Link
FPT	Công nghệ	94.3	-0.7%	0.8	4,935	14.6	4,573	20.6	108,000	49.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	26.9	0.90%	1.0	5,953	6.3	3,664	7.3	1.1	27.2%	16.1%
ACB	Ngân hàng	22.4	0.4%	0.9	3,585	6.7	3,722	6.0	1.4	30.0%	25.2%
HDB	Ngân hàng	18.7	0.5%	0.7	2,229	7.1	2,765	6.8	1.4	20.0%	23.2%
LPB	Ngân hàng	16.0	1.6%	0.7	1,686	7.1	1,410	11.3	1.6	3.9%	15.9%
VIB	Ngân hàng	19.3	0.5%	1.2	2,018	5.6	3,534	5.5	1.5	20.5%	28.8%
VND	Chứng khoán	22.0	-3.3%	1.8	1,104	61.1	467	47.1	1.8	23.6%	3.8%
TPB	Ngân hàng	17.6	0.6%	1.1	1,592	10.9	2,697	6.5	1.3	28.8%	19.8%
SSI	chứng khoán	32.8	-2.2%	1.5	2,030	59.9	1,090	30.1	2.2	46.1%	9.0%
CII	Xây dựng	17.6	-2.8%	1.9	231	10.0	318	55.4	7.1	8.5%	2.6%
C4G	Xây dựng	12.3	-2.4%	1.8	0	1.5	445	27.6	1.2	0.0%	5.2%
CTD	Xây dựng	65.7	0.0%	1.3	269	7.5	681	96.4	0.8	43.5%	0.8%
HHV	Xây dựng	15.7	-0.6%	1.6	266	7.4	919	17.1	0.6	4.8%	4.2%
LCG	Xây dựng	12.4	-2.4%	1.6	96	4.6	482	25.6	0.9	3.1%	3.8%
BCM	KCN	64.8	-1.8%	0.7	2,764	1.8	418	155.1	3.8	2.7%	1.7%
HUT	KCN	20.8	-2.3%	1.6	765	9.5	56	368.1	5.1	2.0%	1.3%
PHR	KCN	48.3	-0.2%	1.3	270	0.8	6,568	7.4	1.9	15.4%	26.9%
SZC	KCN	43.2	-2.2%	1.8	214	4.7	1,405	30.7	3.2	3.0%	10.9%
HSG	Vật liệu	22.4	-1.1%	1.8	570	20.6	(2,105)	-10.7	1.4	20.5%	2.3%
HT1	Vật liệu	12.5	-2.0%	1.3	197	0.3	176	71.1	1.0	3.6%	1.3%
NKG	Vật liệu	23.3	-1.7%	1.9	253	15.1	(2,655)	-8.8	1.2	10.6%	13.5%
PTB	Vật liệu	58.9	-0.2%	0.5	162	1.5	5,309	11.1	1.5	17.4%	13.4%
KSB	Vật liệu	26.2	-2.8%	1.6	82	2.1	1,482	17.7	1.0	3.0%	5.8%
NVL	BĐS	17.5	-4.4%	2.0	1,406	33.7	(295)	-59.2	0.9	3.8%	1.9%
DXG	BĐS	20.5	-3.8%	2.2	515	30.5	(317)	-64.7	0.9	18.5%	3.4%
HDC	BĐS	33.7	-3.2%	1.8	188	7.8	2,190	15.4	2.4	2.0%	16.9%
DIG	BĐS	26.4	-2.9%	1.9	665	36.3	152	173.7	2.1	5.6%	1.1%
IJC	BĐS	14.5	-2.7%	1.6	150	2.2	1,597	9.1	1.0	5.7%	10.9%
BSR	Dầu khí	18.9	-2.6%	1.5	0	8.3	1,596	11.8	1.1	0.4%	9.7%
PVT	Dầu khí	26.3	-2.6%	0.7	351	6.0	2,993	8.8	1.0	13.5%	16.4%
PLC	Vật liệu	32.7	-0.9%	1.1	109	0.4	1,353	24.2	2.1	1.2%	8.5%
DRC	Săm lốp	23.7	0.2%	0.9	116	0.3	1,980	12.0	1.6	11.5%	13.5%
REE	Tiện ích	58.0	-1.4%	0.6	977	1.1	6,445	9.0	1.2	49.0%	18.5%
GEX	Tiện ích	23.4	-2.3%	2.0	821	40.7	384	60.9	1.0	11.9%	5.4%
NT2	Tiện ích	24.8	-0.4%	0.6	294	1.1	2,560	9.7	1.5	15.3%	16.2%
HDG	Bất động sản	29.0	-1.0%	1.4	365	2.7	2,739	10.6	1.4	23.8%	16.8%
PC1	Tiện ích	27.0	-3.1%	1.6	346	2.5	944	28.6	1.3	5.6%	5.0%
GEG	Tiện ích	13.6	-1.1%	0.6	191	0.4	636	21.3	0.8	45.9%	5.6%
BCG	Tiện ích	9.6	-0.5%	2.1	210	5.5	(79)	-121.5	0.4	2.0%	0.3%
SAB	F&B	65.6	0.6%	0.7	3,467	1.7	3,518	18.6	3.4	62.3%	18.7%
QNS	F&B	45.2	-1.7%	0.4	0	1.9	4,965	9.1	2.1	16.2%	24.3%
FRT	Bán lẻ	101.9	0.1%	0.7	572	1.7	(327)	-311.3	8.7	32.6%	11.8%
DGW	Bán lẻ	53.0	-1.7%	1.6	365	4.2	2,984	17.8	4.0	23.6%	21.9%
DBC	F&B	25.2	-2.5%	1.9	251	13.3	551	45.7	1.3	5.9%	2.9%
PET	Bán lẻ	26.9	-1.6%	1.5	118	1.1	837	32.2	1.5	1.4%	5.7%
BAF	F&B	26.4	1.9%	0.1	156	4.5	1,225	21.5	2.2	0.1%	10.2%
ANV	Thủy sản	31.5	-1.7%	1.5	173	3.4	2,162	14.6	1.6	3.9%	10.0%
VSC	Logistics	29.5	0.0%	0.9	162	2.2	1,370	21.5	1.2	3.2%	7.9%
HAH	Logistics	36.8	-1.9%	1.5	160	6.9	5,742	6.4	1.3	4.1%	24.6%
CTR	Công nghệ	90.5	2.0%	1.1	427	1.7	4,238	21.4	6.3	9.7%	32.1%
TNG	Dệt may	19.3	-0.5%	1.2	90	2.2	2,353	8.2	1.4	21.5%	17.1%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook 4Q2023		x	Click
4	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
BSC trân trọng cảm ơn quý khách hàng!
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639